

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 32
8. Phụ lục	33

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty cấp nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 1855/QĐ.UB ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) được thành lập theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000479, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 28 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 273.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Điện thoại : (84-64) 3 838 324
Fax : (84-64) 3 833 636
E-mail : capnuocvungtau@bwaco.com.vn
Mã số thuế : 3 5 0 0 1 0 1 3 8 6

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp xây lắp	Số 359 đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Xí nghiệp cấp nước Vũng Tàu	Số 359 đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Xí nghiệp cấp nước Bà Rịa	Số 04 đường Điện Biên Phủ, phường Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Xí nghiệp cấp nước Long Điền	Ngã ba Lò Vôi, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Xí nghiệp sản xuất nước	Khu phố 4, phường Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Chi nhánh cấp nước Châu Đức	Thôn Thạch Long, xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Chi nhánh cấp nước Xuyên Mộc	Thôn Thanh Sơn, thị trấn Phước Hữu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại;
- Sản xuất các sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông;
- Mua bán vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch và hoạt động thể thao;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Duy tu bảo dưỡng đường bộ, trạm, vĩa, sửa chữa mặt đường, vỉa hè;
- Gia công cơ khí;
- Cung cấp phần mềm tin học quản lý hệ cấp nước, cài đặt hướng dẫn sử dụng và bảo hành;
- Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, vận hành nhà máy cấp nước.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

Trong năm, Công ty đã chi cổ tức năm 2013 và tạm phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 3 năm 2014 như sau:

- Chi cổ tức năm 2013 (10% mệnh giá)	21.000.000.000 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển (03% lợi nhuận sau thuế)	2.576.470.214 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính (03% lợi nhuận sau thuế)	2.576.470.214 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% lợi nhuận sau thuế)	12.882.351.071 VND
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 (10% mệnh giá)	21.000.000.000 VND
Cộng	60.035.291.499 VND

Ngoài ra, Công ty cũng đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

- Trích từ quỹ đầu tư phát triển	8.000.000.000 VND
- Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	55.000.000.000 VND
Cộng	63.000.000.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch	20 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Lương Điền	Phó Chủ tịch	21 tháng 01 năm 2013	-
Ông Võ Văn Bình	Thành viên	20 tháng 10 năm 2007	-
Bà Lê Minh Đức	Thành viên	20 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Tiến Lạng	Thành viên	20 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Thành viên	20 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Như Hà	Thành viên	21 tháng 01 năm 2013	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Châu Trục	Trưởng ban	20 tháng 10 năm 2007	-
Ông Phan Khắc Vinh	Thành viên	20 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên	21 tháng 01 năm 2013	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đinh Chí Đức	Tổng Giám đốc	20 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Tiến Lạng	Phó Tổng Giám đốc	20 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 5 năm 2009	-
Ông Nguyễn Lương Điền	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 7 năm 2009	-

19815
G T Y
EM HỮU
I VÀ T U
& C
PHỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Đinh Chí Đức
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0413/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu, được lập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0954-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		141.026.200.660	114.235.327.543
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55.489.994.164	51.848.118.651
1. Tiền	111		2.389.994.164	2.990.288.233
2. Các khoản tương đương tiền	112		53.100.000.000	48.857.830.418
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	20.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.444.812.877	47.013.694.950
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	47.142.285.823	46.363.369.980
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	477.358.820	240.404.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1.788.132.234	409.920.170
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(962.964.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		16.951.083.811	15.280.993.943
1. Hàng tồn kho	141	V.7	16.951.083.811	15.280.993.943
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		140.309.808	92.519.999
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.325.454	92.519.999
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		111.984.354	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		294.966.100.003	295.980.174.557
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		236.483.341.119	230.497.415.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	232.266.987.220	229.806.171.928
<i>Nguyên giá</i>	222		690.338.416.236	625.576.193.657
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(458.071.429.016)	(395.770.021.729)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	263.950.007	629.966.666
<i>Nguyên giá</i>	228		1.913.734.819	2.040.934.819
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.649.784.812)	(1.410.968.153)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	3.952.403.892	61.277.079
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		58.482.758.884	65.482.758.884
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	35.138.387.984	35.138.387.984
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	23.344.370.900	30.344.370.900
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		435.992.300.663	410.215.502.100

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		95.307.908.555	100.531.099.390
I. Nợ ngắn hạn	310		88.230.954.845	93.139.614.404
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	2.516.250.233	2.201.718.957
2. Phải trả người bán	312	V.14	9.349.877.324	2.235.225.329
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	883.387.989	604.387.988
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	15.605.519.656	18.178.013.800
5. Phải trả người lao động	315	V.17	27.295.460.928	21.796.523.762
6. Chi phí phải trả	316	V.18	9.496.391.745	6.761.501.859
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	12.162.790.632	32.571.470.939
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	10.921.276.338	8.790.771.770
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.076.953.710	7.391.484.986
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	7.076.953.710	7.391.484.986
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		340.684.392.108	309.684.402.710
I. Vốn chủ sở hữu	410		340.684.392.108	309.684.402.710
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	273.000.000.000	210.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	1.611.402.000	1.611.402.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	4.572.473.412	9.996.003.198
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	12.572.473.412	9.996.003.198
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	48.928.043.284	78.080.994.314
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		435.992.300.663	410.215.502.100

15.06.15
TY
HỮU HẠN
À TỰ VẤN
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		130.708.100	130.708.100
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 02 năm 2015



Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu



Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng



Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**Năm 2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	380.728.680.326	357.313.002.904
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	380.728.680.326	357.313.002.904
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	229.115.921.899	219.570.744.254
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		151.612.758.427	137.742.258.650
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.797.636.063	5.358.117.126
7. Chi phí tài chính	22		-	(1.069.819.633)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	(1.069.819.633)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	34.494.661.836	27.286.876.813
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	22.143.348.857	21.389.777.447
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		107.772.383.797	95.493.541.149
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.120.606.200	2.799.268.515
12. Chi phí khác	32	VI.7	948.099.192	2.117.935.356
13. Lợi nhuận khác	40		172.507.008	681.333.159
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		107.944.890.805	96.174.874.308
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	22.062.550.336	23.119.257.227
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>85.882.340.469</u>	<u>73.055.617.081</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>3.146</u>	<u>2.810</u>



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 02 năm 2015


Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu


Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng


Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		107.944.890.805	96.174.874.308
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9, 20	64.302.363.764	57.076.584.655
- Các khoản dự phòng	03	V.6	962.964.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 6, 7	(12.691.563.138)	(5.250.295.695)
- Chi phí lãi vay	06		-	(1.069.819.633)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
trước thay đổi vốn lưu động	08		160.518.655.431	146.931.343.635
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.016.019.543)	830.639.905
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.670.089.868)	(767.113.473)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		16.560.883.532	(6.443.527.524)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		64.194.545	3.224.910.355
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	1.069.819.633
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(24.671.029.271)	(22.394.999.369)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.20	(15.291.048.241)	(10.044.843.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		134.495.546.585	112.406.229.908
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 10, 20	(65.792.286.458)	(43.544.575.150)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	38.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.000.000.000)	(25.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	840.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3; V.5	11.206.533.568	6.997.574.199
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(67.547.571.072)	(60.707.000.951)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	17.611.402.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(21.510.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(63.306.100.000)	(8.735.457.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(63.306.100.000)	(12.634.055.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.641.875.513	39.065.173.457
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	51.848.118.651	12.782.945.194
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	55.489.994.164	51.848.118.651

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểuNguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởngĐinh Chí Đức
Tổng Giám đốc344
ÔN
NHIỆ
OÀN
18
7-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – dịch vụ.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại; Sản xuất các sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước; Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông; Mua bán vật tư chuyên ngành cấp thoát nước; Thiết kế công trình cấp thoát nước.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 430 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 430 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 03

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các tuyến cấp nước và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn vào các công ty khác (gọi chung là tổ chức kinh tế) được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn vào các tổ chức kinh tế được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp nước

Doanh thu cung cấp nước được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì: đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	200.507.130	253.569.575
Tiền gửi ngân hàng	2.189.487.034	2.736.718.658
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	53.100.000.000	48.857.830.418
Cộng	55.489.994.164	51.848.118.651

2. Đầu tư ngắn hạn

Khoản cho Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức vay dài hạn đến hạn phải thu.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng cung cấp nước	41.437.816.363	38.985.650.548
Phải thu khách hàng thi công, lắp đặt	5.648.377.435	7.377.719.432
Phải thu khác	56.092.025	-
Cộng	47.142.285.823	46.363.369.980

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước các nhà cung cấp hoạt động sản xuất nước	385.802.320	240.404.800
Trả trước các nhà cung cấp hoạt động xây lắp	91.556.500	-
Cộng	477.358.820	240.404.800

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội phải thu của nhân viên	7.564.000	118.669.074
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.492.642.400	-
Lãi cho vay phải thu	-	290.521.496
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	287.925.834	-
Các khoản phải thu khác	-	729.600
Cộng	1.788.132.234	409.920.170

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	-	7.296.000
Nguyên liệu, vật liệu	14.797.903.303	13.982.518.747
Công cụ, dụng cụ	27.876.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.125.304.508	1.291.179.196
Cộng	16.951.083.811	15.280.993.943

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	161.591.526.485	71.960.513.385	389.438.654.841	2.585.498.946	625.576.193.657
Mua sắm mới	-	6.086.199.494	2.120.100.000	954.607.000	9.160.906.494
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.757.836.693	2.500.417.048	47.481.999.410	-	52.740.253.151
Tăng từ quỹ phúc lợi	4.933.470.456	-	-	-	4.933.470.456
Phân loại lại	-	(310.442.727)	-	310.442.727	-
Thanh lý, nhượng bán	(207.355.150)	(128.495.000)	(1.736.557.372)	-	(2.072.407.522)
Số cuối năm	169.075.478.484	80.108.192.200	437.304.196.879	3.850.548.673	690.338.416.236
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	29.262.366.033	31.515.357.961	134.454.328.546	2.383.198.947	197.615.251.487
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	67.133.555.170	43.562.252.376	282.603.934.580	2.470.279.603	395.770.021.729
Khấu hao trong năm	12.578.360.935	14.882.661.317	36.078.143.645	791.449.926	64.330.615.823
Thanh lý, nhượng bán	(164.156.164)	(128.495.000)	(1.736.557.372)	-	(2.029.208.536)
Số cuối năm	79.547.759.941	58.316.418.693	316.945.520.853	3.261.729.529	458.071.429.016
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	94.457.971.315	28.398.261.009	106.834.720.261	115.219.343	229.806.171.928
Số cuối năm	89.527.718.543	21.791.773.507	120.358.676.026	588.819.144	232.266.987.220
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính	Phần mềm quản lý hồ sơ	Phần mềm quản lý mạng lưới cấp nước	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.392.934.819	148.000.000	500.000.000	2.040.934.819
Thanh lý, nhượng bán	(127.200.000)	-	-	(127.200.000)
Số cuối năm	1.265.734.819	148.000.000	500.000.000	1.913.734.819
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.057.034.819	148.000.000	-	1.205.034.819
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.253.801.486	136.333.335	20.833.332	1.410.968.153
Khấu hao trong năm	104.349.996	11.666.665	249.999.998	366.016.659
Thanh lý, nhượng bán	(127.200.000)	-	-	(127.200.000)
Số cuối năm	1.230.951.482	148.000.000	270.833.330	1.649.784.812
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	139.133.333	11.666.665	479.166.668	629.966.666
Số cuối năm	34.783.337	-	229.166.670	263.950.007
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	9.160.906.494	(9.160.906.494)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	61.277.079	61.564.850.420	(57.673.723.607)	-	3.952.403.892
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	4.308.750.475	-	(4.308.750.475)	-
Cộng	61.277.079	75.034.507.389	(66.834.630.101)	(4.308.750.475)	3.952.403.892

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ⁽ⁱ⁾	3.327.220	18.688.387.984	2.559.400	18.688.387.984
Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC ⁽ⁱⁱ⁾	280.000	2.800.000.000	280.000	2.800.000.000
Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.350.000	13.650.000.000	1.350.000	13.650.000.000
Cộng		35.138.387.984		35.138.387.984

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Công ty đã mua 2.559.400 cổ phiếu của Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với giá mua là 18.688.387.984 VND, tương đương 28,44% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty được nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ là 767.820 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.327.220 cổ phiếu tương đương 28,44% vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (số đầu năm là 2.559.400 cổ phiếu, tương đương 28,44% vốn điều lệ).
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3500672245 đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 07 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC 2.800.000.000 VND, tương đương 280.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ.
- (iii) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức 13.650.000.000 VND tương đương 1.350.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 11,74% vốn điều lệ. Ngoài ra, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu còn đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức.

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		5.344.370.900		5.344.370.900
<i>Công ty cổ phần dịch vụ môi trường và công trình đô thị Vũng Tàu</i>	515.803	5.344.370.900	515.803	5.344.370.900
Cho Công ty cổ phần Châu Đức vay (*)		18.000.000.000		25.000.000.000
Cộng		23.344.370.900		30.344.370.900

- (*) Thời hạn cho vay là 36 tháng với lãi suất 7%/năm trong 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 3 tháng trả sau cộng lãi suất biên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được áp dụng cho toàn bộ số dư nợ gốc thực tế.

13. Vay và nợ ngắn hạn

Số dư nợ vay là khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.201.718.957	21.510.000.000
Số kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả trong năm	314.531.276	2.201.718.957
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(21.510.000.000)
Số cuối năm	2.516.250.233	2.201.718.957

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp hoạt động sản xuất nước	4.312.969.672	249.067.430
Phải trả các nhà cung cấp hoạt động xây lắp	5.036.907.652	1.986.157.899
Cộng	9.349.877.324	2.235.225.329

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Người mua trả tiền trước

Khách hàng ứng trước của hoạt động xây lắp.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	651.757.693	6.523.585.750	(6.800.672.467)	374.670.976
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.379.939.723	22.062.550.336	(24.671.029.271)	12.771.460.788
Thuế thu nhập cá nhân	126.187.527	2.812.900.686	(2.630.618.646)	308.469.567
Thuế tài nguyên	134.602.776	946.654.510	(1.002.362.330)	78.894.956
Tiền thuê đất	-	48.905.204	(8.106.632)	40.798.572
Các loại thuế khác	-	10.000.000	(10.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.885.526.081	23.924.393.715	(23.778.694.999)	2.031.224.797
Cộng	18.178.013.800	56.328.990.201	(58.901.484.345)	15.605.519.656

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước	05%
- Thi công, lắp đặt	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107.944.890.805	96.174.874.308
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	65.012.500	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	108.009.903.305	96.174.874.308
Thu nhập được miễn thuế	(7.725.583.600)	(3.697.845.400)
Tổng thu nhập tính thuế	100.284.319.705	92.477.028.908
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	22.062.550.336	23.119.257.227

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác khai thác nước dưới mặt đất với các mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt dùng để sản xuất nước	01%
- Sử dụng nước dưới đất dùng để sản xuất nước	03%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

- Mức phí nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND-VP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Mức phí nước thải công nghiệp nộp theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Quỹ lương của Công ty được xây dựng dựa trên đơn giá tiền lương 1.500 VND/m³ nước thương phẩm theo quyết định của Hội đồng quản trị số 04-2014/BBH-HĐQT ngày 23 tháng 07 năm 2014.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nước thô phải trả	6.950.662.200	6.693.700.000
Chi phí khác	2.545.729.545	67.801.859
Cộng	9.496.391.745	6.761.501.859

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	34.032.000	2.627.710
Cổ tức phải trả	10.702.850.000	32.008.950.000
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được giữ lại (10% giữ lại)	1.425.908.632	549.355.047
Phải trả phải nộp khác	-	10.538.182
Cộng	12.162.790.632	32.571.470.939

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Mua sắm TSCĐ từ quỹ phúc lợi	Chi quỹ trong năm	Giảm do khấu hao	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.790.771.770	12.882.351.071	(3.112.060.256)	(12.178.987.985)	-	6.382.074.600
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	-	-	4.933.470.456	-	(394.268.718)	4.539.201.738
Cộng	8.790.771.770	12.882.351.071	1.821.410.200	(12.178.987.985)	(394.268.718)	10.921.276.338

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay không có thế chấp Ngân hàng phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam) 9.593.203.943 VND để thực hiện thanh toán phí tư vấn trong nước của dự án Hệ thống cấp nước Hồ Đá Đen giai đoạn I. Khoản vay này là một phần trong thỏa thuận vay giữa Quỹ hợp tác kinh tế hải ngoại Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được ký kết ngày 30 tháng 3 năm 1998 cho Dự án cấp nước miền Nam Việt Nam (thuộc tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu). Theo thỏa thuận này, thời gian hoàn vốn vay là 30 năm kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2008, mỗi năm trả làm 2 đợt vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9. Hiện nay, Công ty không nhận được thông báo lịch thu nợ cụ thể cũng như thông báo số dư nợ từ Ngân hàng phát triển Việt Nam cũng như từ Bộ Tài chính.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	2.516.250.233	2.201.718.957
Trên 01 năm đến 05 năm	1.258.125.104	1.258.125.104
Trên 05 năm	5.818.828.606	6.133.359.882
Tổng nợ	9.593.203.943	9.593.203.943

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu theo Biên bản kiểm phiếu ngày 20 tháng 5 năm 2014 xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2014 để tăng vốn điều lệ từ 210 tỷ VND lên 273 tỷ VND. Ngày 28 tháng 8 năm 2014 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp về việc tăng vốn điều lệ này.

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 63.306.100.000 VND (năm trước là 8.735.457.500 VND).

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.300.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.300.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.300.000	21.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.300.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.300.000	21.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp nước	372.891.628.475	346.575.916.807
Doanh thu thi công, lắp đặt	5.650.943.575	10.737.086.097
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.186.108.276	-
Cộng	<u>380.728.680.326</u>	<u>357.313.002.904</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	222.700.409.366	210.471.500.277
Giá vốn của lắp đặt ⁽ⁱⁱ⁾	5.024.584.458	9.099.243.977
Giá vốn của cung cấp dịch vụ	1.390.928.075	-
Cộng	<u>229.115.921.899</u>	<u>219.570.744.254</u>

⁽ⁱ⁾ Giá vốn của cung cấp nước như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	69.364.271.902	71.959.770.819
Chi nhân công trực tiếp	80.463.047.629	70.680.507.007
Chi phí sản xuất chung	72.873.089.835	67.831.222.451
Giá vốn cung cấp nước	<u>222.700.409.366</u>	<u>210.471.500.277</u>

⁽ⁱⁱ⁾ Giá vốn thi công, lắp đặt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.709.051.831	2.641.020.060
Chi nhân công trực tiếp	3.532.019.481	3.565.789.415
Chi phí sản xuất chung	434.397.427	1.801.779.133
Tổng chi phí sản xuất	5.675.468.739	8.008.588.608
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(834.125.312)	994.447.239
Tổng giá thành sản xuất	4.841.343.427	9.003.035.847
Nhập khác	183.241.031	96.208.130
Giá vốn thi công, lắp đặt	<u>5.024.584.458</u>	<u>9.099.243.977</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.821.732.817	1.178.993.184
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	101.055.757	107.821.431
Lãi tiền cho vay	2.149.263.889	373.457.111
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.725.583.600	3.697.845.400
Cộng	<u>12.797.636.063</u>	<u>5.358.117.126</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	24.000.000	2.310.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.867.066.039	16.316.159.161
Chi phí khấu hao TSCĐ	623.816.202	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.852.507.934	6.120.416.750
Chi phí khác	12.127.271.661	4.847.990.902
Cộng	34.494.661.836	27.286.876.813

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.798.171.858	4.131.684.071
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.400.069.723	3.223.062.330
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.266.847.242	1.565.918.831
Chi phí dự phòng	962.964.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.652.926.230	6.428.246.758
Chi phí khác	5.062.369.804	6.040.865.457
Cộng	22.143.348.857	21.389.777.447

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	38.181.818	-
Thu nhập do chuyển nhượng vật tư	256.044.963	664.779.572
Thu tiền điện	738.668.000	1.512.265.307
Các khoản thu nhập khác	87.711.419	622.223.636
Cộng	1.120.606.200	2.799.268.515

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	43.198.986	-
Giá vốn vật tư chuyển nhượng	166.232.206	595.586.361
Giá vốn tiền điện	738.668.000	1.512.265.307
Chi phí khác	-	10.083.688
Cộng	948.099.192	2.117.935.356

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	85.882.340.469	73.055.617.081
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	85.882.340.469	73.055.617.081
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.300.000	26.002.466
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.146	2.810

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	21.000.000	19.400.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm trước	-	302.466
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm nay	6.300.000	6.300.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.300.000	26.002.466

Năm 2014, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.708 VND xuống còn 2.810 VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.943.700.357	96.562.105.619
Chi phí nhân công	90.222.365.225	80.968.149.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.302.363.764	57.076.584.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.154.779.761	16.247.961.040
Chi phí khác	24.781.607.766	16.301.942.536
Cộng	286.404.816.873	267.156.743.145

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.872.722.000	2.878.084.000
Tiền thưởng	2.192.208.000	2.153.284.000
Cộng	5.064.930.000	5.031.368.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu		
Tạm ứng cổ tức	3.327.220.000	2.559.400.000
Cung cấp nước	5.628.019.700	24.548.403.900
Cổ tức phải trả	2.310.000.000	1.100.000.000
Chi phí xét nghiệm nước	87.530.909	-
Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC		
Cổ tức được chia	140.000.000	-
Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức		
Mua vật tư	-	1.444.600.000
Cổ tức được chia	1.080.000.000	-
Cho vay dài hạn	13.000.000.000	25.000.000.000
Cung cấp dịch vụ vận hành	1.980.000.000	-
Lãi tiền cho vay	2.149.263.889	325.111.111

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu		
Phải thu tiền nước	328.365.030	21.748.545
Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức		
Phải thu cổ tức	1.080.000.000	-
Cho vay dài hạn	38.000.000.000	25.000.000.000
Cộng nợ phải thu	39.408.365.030	25.021.748.545

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước (chiếm 97,94% doanh thu toàn Công ty) và được thực hiện ở khu vực tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty liên kết vay tiền. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối năm	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.489.994.164	-	-	55.489.994.164
Phải thu khách hàng	46.179.321.823	-	962.964.000	47.142.285.823
Các khoản cho vay	38.000.000.000	-	-	38.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.780.568.234	-	-	1.780.568.234
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.344.370.900	-	-	5.344.370.900
Cộng	146.794.255.121	-	962.964.000	147.757.219.121
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.848.118.651	-	-	51.848.118.651
Phải thu khách hàng	45.400.405.980	962.964.000	-	46.363.369.980
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
Các khoản phải thu khác	290.521.496	-	-	290.521.496
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.344.370.900	-	-	5.344.370.900
Cộng	127.883.417.027	962.964.000	-	128.846.381.027

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	2.516.250.233	1.258.125.104	5.818.828.606	9.593.203.943
Phải trả người bán	9.349.877.324	-	-	9.349.877.324
Các khoản phải trả khác	20.199.241.745	-	-	20.199.241.745
Cộng	32.065.369.302	1.258.125.104	5.818.828.606	39.142.323.012
Số đầu năm				
Vay và nợ	2.201.718.957	1.258.125.104	6.133.359.882	9.593.203.943
Phải trả người bán	2.235.225.329	-	-	2.235.225.329
Các khoản phải trả khác	38.780.990.041	-	-	38.780.990.041
Cộng	43.217.934.327	1.258.125.104	6.133.359.882	50.609.419.313

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho vay	38.000.000.000	25.000.000.000
Vay và nợ	(9.593.203.943)	(9.593.203.943)
Tài sản thuần	28.406.796.057	15.406.796.057

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác và cũng không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.489.994.164	-	51.848.118.651	-	55.489.994.164	51.848.118.651
Phải thu khách hàng	47.142.285.823	(962.964.000)	46.363.369.980	-	46.179.321.823	46.363.369.980
Các khoản cho vay	38.000.000.000	-	25.000.000.000	-	38.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.780.568.234	-	290.521.496	-	1.780.568.234	290.521.496
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.344.370.900	-	5.344.370.900	-	5.344.370.900	5.344.370.900
Cộng	147.757.219.121	(962.964.000)	128.846.381.027	-	146.794.255.121	128.846.381.027

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	9.593.203.943	9.593.203.943	9.593.203.943	9.593.203.943
Phải trả người bán	9.349.877.324	2.235.225.329	9.349.877.324	2.235.225.329
Các khoản phải trả khác	20.199.241.745	38.780.990.041	20.199.241.745	38.780.990.041
Cộng	39.142.323.012	50.609.419.313	39.142.323.012	50.609.419.313

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay và vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản cho vay và vay dài hạn tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.


Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu


Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng


Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	194.000.000.000	-	7.804.994.862	7.804.994.862	39.762.435.585	249.372.425.309
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	16.000.000.000	1.611.402.000	-	-	-	17.611.402.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	73.055.617.081	73.055.617.081
Trích lập các quỹ	-	-	2.191.008.336	2.191.008.336	(15.337.058.352)	(10.955.041.680)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.400.000.000)	(19.400.000.000)
Số dư cuối năm trước	210.000.000.000	1.611.402.000	9.996.003.198	9.996.003.198	78.080.994.314	309.684.402.710
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	1.611.402.000	9.996.003.198	9.996.003.198	78.080.994.314	309.684.402.710
Tăng vốn từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển	63.000.000.000	-	(8.000.000.000)	-	(55.000.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	85.882.340.469	85.882.340.469
Trích lập các quỹ	-	-	2.576.470.214	2.576.470.214	(18.035.291.499)	(12.882.351.071)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(42.000.000.000)	(42.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	273.000.000.000	1.611.402.000	4.572.473.412	12.572.473.412	48.928.043.284	340.684.392.108


Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 02 năm 2015


Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc